

Số: 2035/QĐ-UBND

An Xuyen, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026
cho Trạm Y tế phường (kinh phí mua sắm trang thiết bị và thuê phần mềm
phục vụ triển khai bệnh án điện tử)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN XUYỀN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường An Xuyen, khóa I, kỳ họp thứ Ba, về dự toán ngân sách phường An Xuyen năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường An Xuyen về việc giao dự toán ngân sách phường An Xuyen năm 2026;

Căn cứ Công văn số 9355/UBND-KGVX ngày 16/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc ưu tiên mua sắm thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại các trạm Y tế xã, phường;

Căn cứ Công văn số 6004/STC-GCS ngày 09/6/2026 của Sở Tài chính về việc tham mưu mua sắm thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại các trạm Y tế xã, phường;

Căn cứ Công văn số 3539/SYT-VP ngày 18/5/2026 của Sở Y tế về việc mua sắm thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử tại các trạm Y tế xã, phường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Công văn số 728/KTHTĐT ngày 20/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Trạm Y tế phường, kinh phí mua sắm trang thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử, với số tiền: **99.653.000 đồng (Chín mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng)** (theo biểu đính kèm).

Nguồn kinh phí: Từ nguồn dự phòng ngân sách phường năm 2026.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí được giao đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và thanh, quyết toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Trạm Y tế phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- CT, PCT UBND phường;
- KBNN XX - Phòng giao dịch số 12;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.(Q)



CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Minh

UBND PHƯỜNG AN XUYỀN

Mẫu biểu số 47

Chương 823

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026****Đơn vị: Trạm Y tế phường****Mã số đơn vị: 1169663****Mã KBNN: 0971***(Kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyên)*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	99.653.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	99.653.000
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (437-132-12)	99.653.000
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử	99.653.000
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi quốc phòng	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

UBND PHƯỜNG AN XUYỀN

Mẫu biểu số 48

Chương 823

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của Chủ tịch UBND phường An Xuyên)

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng (phân cấp 0 đến cấp 4)
			Trạm Y tế phường
A	B	1	2
I	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí		
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	99.653.000	99.653.000
1	Chi quản lý hành chính		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	99.653.000	99.653.000
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (437-132-12)	99.653.000	99.653.000
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị và thuê phần mềm phục vụ triển khai bệnh án điện tử	99.653.000	99.653.000
5	Chi bảo đảm xã hội		
6	Chi quốc phòng		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
8	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1169663	1169663
	Mã số Kho bạc Nhà nước nói giao dịch	0971	0971